

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12-6-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyên,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Biên
2. Bà Hoàng Thị Chính.

-Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Trang-Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thanh H sinh năm 1976; địa chỉ: Số 98 T, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 98 T, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) ngày 26-01-2018 và Bản tự khai ngày 01-02-2018, nguyên đơn là chị Trần Thị Thanh H (chị H) trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị xây dựng hạnh phúc với anh Nguyễn Mạnh T (anh T) trên cơ sở được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 15-02-2000 (Số: 10; quyển số: 01-2000). Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra va chạm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sinh hoạt. Gia đình hai bên nội ngoại đã khuyên bảo nhiều nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng

căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống, sinh hoạt.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Nguyễn Thanh Hà V sinh ngày 10-02-2002. Chị H nhận nuôi con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án: Sau khi được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày 08-02-2018, anh T có Bản tự khai thể hiện ý kiến thống nhất với nội dung chị H trình bày về điều kiện, thời điểm, địa điểm đăng ký kết hôn và xây dựng hạnh phúc cũng như quá trình phát sinh mâu thuẫn. Anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung anh T cũng thống nhất có 01 con chung là Nguyễn Thanh Hà V sinh ngày 10-02-2002 và đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi được tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt.

Tại Bản tự khai ngày 02-02-2018, con chung của chị H và anh T là cháu Nguyễn Thanh Hà V sinh ngày 10-02-2002 trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ với lý do từ trước tới nay cháu vẫn ở với mẹ và được học hành, chăm sóc chu đáo, phù hợp với giới tính.

Tại Biên bản xác minh ngày 09-3-2018, đại diện Tổ dân phố và chính quyền địa phương nơi chị H và anh T chung sống cung cấp thông tin về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh T đã rất căng thẳng, anh chị sống ly thân nhiều năm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để ổn định cuộc sống của các bên và đề nghị giao con chung cho mẹ tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa: Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T và nhận trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thanh Hà V sinh ngày 10-02-2002 đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, công nợ, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh T đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn:

Tòa án nhân dân quận K đã xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách đương sự, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng với quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương thức trực tiếp theo đúng với quy định tại Điều 173 và Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được thực hiện theo đúng quy định tại các điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 72 và 199 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T. Về con chung: Đề nghị giao con Nguyễn Thanh Hà V sinh ngày 10-02-2002 cho mẹ là chị Trần Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ, chị H và anh T đều không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Thanh H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H có Đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) với anh T và đề nghị được nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn trong vụ án và cư trú tại số 98 T, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân quận K đã thụ lý vụ án vào ngày 01-02-2018 và ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào 24-5-2018 là đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Thủ tục giải quyết vụ án: Sau khi được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án anh T đã có Bản tự trình bày để thể hiện ý kiến của mình về việc khởi kiện của chị H. Sau khi được tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên họp và hòa giải. Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử anh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Trong các bản tự khai, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của chị H tại phiên tòa đều thể hiện nội dung chị H xây dựng hạnh phúc với anh T trên cơ sở được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 15-02-2000. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vợ chồng chị H và anh T chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra va chạm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống, sinh hoạt. Chị H và anh T đã sống ly thân nhiều năm nay và đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn. Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử anh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, điều đó thể hiện ý chí không mong muốn đoàn tụ vợ chồng của anh T. Như vậy có thể thấy rằng giữa chị H và anh T không còn yêu thương, quý trọng nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị H được ly hôn anh T.

[5] Về con chung và vấn đề cấp dưỡng con chung: Quá trình chung sống chị H và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thanh Hà V sinh ngày 10-02- 2002. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị H đều nhận trực tiếp nuôi con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T cũng đã có bản tự khai đề nghị giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy yêu cầu nuôi con của chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện, có cơ sở phù hợp với nguyện vọng của con chung và để đảm bảo lợi ích, tâm lý và sự phát triển về mọi mặt khác của con chung nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Nguyễn Thanh Hà V sinh ngày 10-02- 2002 cho mẹ là chị Trần Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, trừ khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Chị H và anh T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị H là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Mạnh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Thanh Hà V sinh ngày 10-02- 2002 cho mẹ là chị Trần Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, trừ khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Mạnh T tự thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không được ai cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Mạnh T đều không đề nghị xem xét nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010329 ngày 01-02-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Mạnh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND p. Văn Đẩu, quận K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên

